

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HUYỆN CỬ CHI

Số: 615.../2023/TB-BVCC

V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 23 tháng 11 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện huyện Củ Chi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **Mua sắm bổ sung hóa chất của Bệnh viện huyện Củ Chi** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện huyện Củ Chi.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: *Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.*
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: *Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.*
 - Nhận qua email: *tothau.bvcc@gmail.com.* (*gửi thư bằng báo giá về địa chỉ: Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547*)
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 23 tháng 11 năm 2023 đến ngày 4 tháng 12 năm 2023.

- Cụ thể thời gian tiếp nhận báo giá mỗi ngày trong thời hạn quy định như sau:

- Sáng: Từ 07h30 đến 11h30;
- Chiều: Từ 13h30 đến 16h30.

- Các báo giá sẽ được Bệnh viện tiếp nhận trong giờ hành chính các ngày trong tuần (*Bệnh viện sẽ không tiếp nhận báo giá vào ngày thứ 7 và chủ nhật hàng tuần*). Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị). (*Đính kèm Phụ lục danh mục hàng hóa*).
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện huyện Củ Chi.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 24 giờ đến 48 giờ tính từ khi nhà thầu nhận được đơn đặt hàng của Bệnh viện.

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện huyện Củ Chi

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản

✓

xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thư mời chào giá số: 615/2023/TB-BVCC, ngày 23 tháng 11 năm 2023)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Hóa chất xét nghiệm nồng độ Alcohol trong máu	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol/ Ethanol trong máu hoặc huyết tương, huyết thanh. Phù hợp sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Erba XL640. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	10	Hộp
2	Hóa chất định lượng nồng độ CRP trong máu	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP (C- reactive protein) trong máu hoặc huyết tương, huyết thanh. Phù hợp sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Erba XL640. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	8	Hộp
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CREATININE	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng CREATININ (máu), bao gồm Reagent 1 và Reagent 2. Phù hợp sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Erba XL640. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	12	Hộp
4	Dung dịch đệm/ rửa (wash buffer) dùng cho xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	14	Hộp
5	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng β -hCG (5th IS)	Hoá chất định lượng β -hCG (beta-Human Chorionic Gonadotropin) (5th IS) trong máu hoặc huyết tương/ huyết thanh. Phù hợp định dạng khay hoá chất của máy. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II Quy cách: 100 test/2 pack/hộp Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	6	Hộp
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	Hoá chất định lượng AFP (alpha-fetoprotein) trong máu hoặc huyết tương/ huyết thanh. Phù hợp định dạng khay hoá chất của máy. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II Quy cách: 100 test/2 pack/hộp Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Hộp
7	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể anti-HBs (HBs Ab)	Bộ hoá chất hiệu chuẩn (calib) xét nghiệm định lượng HBs-Ab trong máu hoặc huyết tương/ huyết thanh. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	4	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Unconjugated Estriol (uE3)	Hoá chất định lượng Unconjugated Estriol (uE3) trong máu hoặc huyết tương/ huyết thanh. Phù hợp định dạng khay hoá chất của máy. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II Quy cách: 100 test/2 pack/hộp Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Hộp
9	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Unconjugated Estriol (uE3)	Bộ hoá chất hiệu chuẩn (calib) xét nghiệm định lượng Unconjugated Estriol (uE3) trong máu hoặc huyết tương/ huyết thanh. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	1	Hộp
10	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng pH, pO ₂ , pCO ₂ (QC)	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng pH, pO ₂ , pCO ₂ . Phù hợp với thiết bị: Techno Medical - Model: Gastat 1820 Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Hộp
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I-hs	Hoá chất định lượng Troponin I-hs trong máu hoặc huyết tương/ huyết thanh. Phù hợp định dạng khay hoá chất của máy. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II Quy cách: 100 test/2 pack/hộp Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	8	Hộp
12	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I-hs	Bộ hoá chất hiệu chuẩn (calib) xét nghiệm định lượng Troponin I-hs trong máu hoặc huyết tương/ huyết thanh. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Hộp
13	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng dấu ấn tim mạch. Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch: Troponin I-hs, Troponin I, BNP, NT-pro BNP, ... Mức 1,2,3 Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Hộp
14	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 6 thông số xét nghiệm sàng lọc trước sinh nồng độ trung bình	Dạng đông khô, 100% huyết thanh người, kiểm chuẩn mức trung bình các xét nghiệm sàng lọc trước sinh bao gồm 6 thông số: Alpha-Fetoprotein (AFP); Free beta-hCG; Inhibin A; PAPP-A; Total beta-hCG; Unconjugated Oestriol. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	4	Lọ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
15	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 6 thông số xét nghiệm sàng lọc trước sinh nồng độ cao	Dạng đông khô, 100% huyết thanh người, kiểm chuẩn mức cao các xét nghiệm sàng lọc trước sinh bao gồm 6 thông số: Alpha-Fetoprotein (AFP); Free beta-hCG; Inhibin A; PAPP-A; Total beta-hCG; Unconjugated Oestriol. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	4	Lọ
16	Bộ hóa chất xét nghiệm PT	-Dùng để đo thời gian Prothrombin (PT) (hãng Helena hoặc tương đương) -Thành phần có mô não thỏ cùng với Canxi Chloride, các chất bảo quản và các chất ổn định -Bảo quản: Sau khi mở bần được 2 tháng ở 2-8oC, 5 ngày ở 15oC. -Độ lặp lại: CV <1% (Control N); CV <1.1% (Control A) Phù hợp sử dụng cho máy đông máu Thrombolyzer compact X Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	14	Hộp
17	Bộ hóa chất xét nghiệm APTT	-Dùng để đo thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hóa (APTT).(hãng Helena hoặc tương đương) - Thành phần có hạt kích hoạt dạng keo(magnesium-aluminium-silicate) cho độ nhạy tối ưu với các yếu tố thiếu hụt và Heparin. Hóa chất cũng chứa Photpholipids với các chất đệm và ổn định. -Calcium Chloride 0.025M : dung dịch canxi Chloride nồng độ 0.025M -Bảo quản: Sau khi mở bần được 30 ngày ở 2-8oC -Độ lặp lại (intra-assay): CV <1% (Control N); CV <1% (Control A). Phù hợp sử dụng cho máy đông máu Thrombolyzer compact X. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	14	Hộp
18	Mẫu QC (nội kiểm) mức bình thường (Normal)	-Hóa chất nội kiểm (QC) cho xét nghiệm đông máu, mức bình thường. -Thành phần: đệm và huyết tương đông khô của người -Độ ổn định: Hóa chất chưa mở nắp đạt độ ổn định đến hết hạn sử dụng được in trên nhãn -Hóa chất đã pha đạt ổn định 8 giờ khi bảo quản ở 2 - 8°C; đạt ổn định 4 tuần khi bảo quản ở -20°C Sử dụng cho máy đông máu Thrombolyzer compact X Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	6	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
19	Mẫu QC nội kiểm mức cao (High)	-Hóa chất nội kiểm (QC) cho xét nghiệm đông máu, mức cao. -Thành phần: đệm và huyết tương đông khô của người -Độ ổn định: Hóa chất chưa mở nắp đạt độ ổn định đến hết hạn sử dụng được in trên nhãn -Hóa chất đã pha đạt ổn định 8 giờ khi bảo quản ở 2 - 8°C; đạt ổn định 4 tuần khi bảo quản ở -20°C Sử dụng cho máy đông máu Thrombolyzer compact X Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	6	Hộp
20	Bộ ống dây bơm	Bộ ống dây bơm. Phù hợp với thiết bị: Techno Medical - Model: Gastat 1820 Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	1	Túi
21	Dây bơm 1,29 mm	Đường kính trong 1.29mm, bằng cao su. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II Quy cách: 1 cái/túi Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	1	Túi
22	Dây bơm 2,79 mm	Đường kính trong 2.79mm, bằng cao su. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II Quy cách: 1 cái/túi Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	1	Túi
23	Dây đai	Dây đai Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	1	Chiếc
24	Bộ dây đai	Bộ dây đai Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	1	Túi
25	Hóa chất ly giải bạch cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học 22 thông số	Hoá chất ly giải bạch cầu sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Excel 22 thông số. Thể tích: ≥ 5L/thùng Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	24	Thùng
26	Dung dịch đệm số 3	- Hóa chất G8 Variant Elution Buffer HSi hoặc tương đương, dựa trên Phương pháp sắc kí lỏng cao áp. - Hoá chất dùng trong chẩn đoán trong ống nghiệm, sử dụng cho đo lường Hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu toàn phần hoặc pha loãng - Tiêu chuẩn: ISO, NGSP/IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	12	Hộp
27	Thạch BA (Blood agar)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri . Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , g) của Streptococcus. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	54	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
28	Thạch MC (Mac-Conkey agar)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose . - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	50	Hộp
29	Môi trường BMHA (Blood Mueller - Hinton agar)	Môi trường Mueller Hinton Agar với 5% Sheep Blood. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	2	Hộp
30	Thạch SAB(Sarbouraud Agar)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm (nấm men, nấm mốc). - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	20	Đĩa
31	Chủng chuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i> ATCC 27853	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	1	Hộp
32	Môi trường MR-VP	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để thực hiện thử nghiệm Methyl red và Voges Proskauer . - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	2	hộp
33	Môi trường BHI Broth	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường BHI. Dùng để tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ <i>Haemophilus influenzae</i> . - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	20	Lọ
34	Bộ nhuộm Ziehl-Neelsen	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	4	Bộ
35	Kháng sinh Gentamicin 10 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Hộp Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
36	Kháng sinh Meropenem 10 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Hộp Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
37	Kháng sinh Cefotaxime 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
38	Kháng sinh Imipenem 10 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
39	Kháng sinh Levofloxacin 5 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
40	Kháng sinh Ceftazidime 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
41	Kháng sinh Ceftriaxone 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
42	Kháng sinh Cefoxitin 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	3	Lọ
43	Kháng sinh Ertapenem 10 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
44	Kháng sinh Piperacillin-tazobactam 100/10 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
45	Kháng sinh Ampicillin 10 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
46	Kháng sinh Azithromycine 15 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
47	Kháng sinh Cefaclor 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
48	Kháng sinh Cefepime 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
49	Kháng sinh Chloramphenicol 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
50	Kháng sinh Ciprofloxacin 5 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
51	Kháng sinh Clindamycin 2 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
52	Kháng sinh Doxycyclin 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
53	Kháng sinh Erythromycin 15 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đầy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
54	Kháng sinh Linezolid 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đầy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
55	Kháng sinh Tobramycin 10 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đầy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
56	Kháng sinh Trimethoprim-sulfamethoxazole 1.25/23.75 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đầy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	8	Lọ
57	Kháng sinh Ticarcillin-clavulanate 75/10 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đầy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	4	Lọ
58	Kháng sinh Cefoperazone 75 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đầy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
59	Kháng sinh Amikacin 30 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đầy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
60	Kháng sinh Nitrofurantonin 300 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đầy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	3	Lọ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
61	Kháng sinh Penicillin 10 IU	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
62	Kháng sinh Ampicillin-subactam 10/10 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
63	Kháng sinh Polymycin B 300 units	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Lọ
64	Hóa chất kiểm chuẩn Ddimer mức thấp	Bộ thuốc thử dùng để kiểm tra (QC) xét nghiệm D-dimer, mức thấp. Phù hợp sử dụng cho máy đông máu Thrombolyzer compact X (hãng Helena hoặc tương đương) Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Hộp
65	Hóa chất kiểm chuẩn Ddimer mức cao	Bộ thuốc thử dùng để kiểm tra (QC) xét nghiệm D-dimer, mức cao. Phù hợp sử dụng cho máy đông máu Thrombolyzer compact X (hãng Helena hoặc tương đương) Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	2	Hộp
66	Giếng phản ứng (Reaction Vessels- RV) dùng cho máy phân tích miễn dịch	Giếng phản ứng (Reaction Vessels - RV) dùng cho máy phân tích miễn dịch. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	4	Hộp

Date	Description	Amount	Page
1912	To Balance	100.00	1
1913	By Cash	50.00	2
1914	By Cash	75.00	3
1915	By Cash	100.00	4
1916	By Cash	125.00	5
1917	By Cash	150.00	6